

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47
Địa chỉ: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Điện thoại: 056 3522166 Fax: 056 3522316

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CỦA CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47
Cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
kèm theo
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI
Số: 3 ngõ 1295 đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội
Điện thoại: 043 974 50 81/82 Fax: 043 974 50 83
Hà Nội, tháng 8 năm 2015



MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang số
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 04
Báo cáo công tác soát xét	05
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2015	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2015	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 06 tháng đầu năm 2015	9
Thuyết minh báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2015	10 - 31
Phụ lục 01 - Tình hình tăng giảm tài sản cố định	32
Phụ lục 02 - Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	33
Phụ lục 03 - Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	34
Phụ lục 04 - Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	35
Phụ lục 05 - Bảng chi tiết Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	36 - 37
Phụ lục 06 - Bảng chi tiết Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng 47, gọi tắt là "Công ty" đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tại thời điểm lập Báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng quản trị:

- | | |
|------------------------|-------------------|
| • Ông Nguyễn Lương Am | Chủ tịch HĐQT |
| • Ông Đinh Tấn Dương | Phó Chủ tịch HĐQT |
| • Ông Dương Minh Quang | Ủy viên |
| • Ông Phạm Văn Nho | Ủy viên |
| • Ông Đặng Ngọc Căn | Ủy viên |
| • Ông Phùng Văn Viễn | Ủy viên |

Ban Tổng Giám đốc:

- | | |
|------------------------|-------------------|
| • Ông Nguyễn Lương Am | Tổng Giám đốc |
| • Ông Vũ Xuân Chính | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Nguyễn Văn Tôn | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Đinh Tấn Dương | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Huỳnh Khế | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Dương Minh Quang | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Phan Thanh Lân | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Phạm Văn Nho | Kế toán trưởng |

Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015 của Công ty Cổ phần Xây dựng 47 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

Khái quát về công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng 47, tiền thân là Công ty Xây dựng 47 được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số: 4411/2001/QĐ/BNN-TCCB ngày 08/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc chuyển Công ty Xây dựng 47 thành Công ty Cổ phần Xây dựng 47. Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000064 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 27 tháng 06 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 15 vào ngày 21/5/2015 với số mới là 4100258747 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh

Bình Định cấp.

Theo đó:

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là: **120.000.000.000 đ (Một trăm hai mươi tỷ đồng chẵn)**.

Lĩnh vực kinh doanh: Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, công nghiệp, dân dụng; Khai thác, vận chuyển vật liệu xây dựng; Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông kết cấu; Đại tu xe, máy thi công; Sản xuất, phục hồi phụ kiện cơ khí. Sản xuất các sản phẩm cơ khí công trình; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, rượu, thuốc lá, dịch vụ massage. Đại lý rượu, bia, nước giải khát; Đại lý dịch vụ internet; Kinh doanh lẻ hành nội địa và quốc tế; các dịch vụ du lịch khác; Đại lý thu đổi ngoại tệ; Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ; Tổ chức hội nghị hội thảo; Dịch vụ quảng cáo. Đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa; Tư vấn du học. Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng; Cho thuê ô tô; Kinh doanh dịch vụ thể thao, giải trí, trò chơi thể thao trên biển; Hoạt động dạy nghề; Kinh doanh và cho thuê bất động sản; Thi công khoan phụt vữa xử lý nền và thân công trình; Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

Công ty có trụ sở tại: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Đến thời điểm ngày 30/06/2015, Công ty có 02 Công ty con:

- Công ty Cổ phần Du lịch Hầm Hồ, tỷ lệ nắm giữ của Công ty Mẹ là 76,35%
- Công ty CP thủy điện Văn Phong, tỷ lệ nắm giữ của Công ty Mẹ là 57,84%

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại ngày 30/06/2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này từ trang 06 đến trang 38.

Tại báo cáo này Ban Tổng Giám đốc Công ty xin khẳng định những vấn đề sau đây:

- Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các Kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Việc thiết lập và duy trì một hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu lực, để thực thi công việc quản lý là thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc;
- Tài sản mà Công ty đang nắm giữ là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty và không có bất kỳ một sự kiện nào có thể dẫn tới việc tranh chấp các tài sản mà Công ty đang sử dụng;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch dự tính nào có thể làm sai lệch đáng kể số liệu kế toán hoặc cách phân loại tài sản và khoản nợ đã được phản ánh trong Báo cáo tài chính ;

- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch nào nhằm ngừng xây dựng các công trình đang dở dang cũng không có một kế hoạch hay dự tính nào có thể dẫn đến tình trạng hàng tồn kho ứ đọng hoặc lạc hậu và không có bất kỳ khoản hàng tồn kho nào được hạch toán với giá trị cao hơn giá trị thực hiện thuần;
- Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 30/06/2015, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015;
- Báo cáo tài chính đã được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong thuyết minh Báo cáo tài chính và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch kinh doanh của mình trong các năm tài chính tiếp theo.

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47



NGUYỄN LƯƠNG AM

Tổng Giám đốc

Quy Nhơn, ngày 08 tháng 8 năm 2015



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÀNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82

Fax: (84) 4 3974 5083

Email: cpahanoi@fpt.vn

Website: www.cpahanoi.com



Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2015

Số: 105 /CPAHANOI-BCSX

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47
cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Xây dựng 47

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2015 của Công ty cổ phần Xây dựng 47 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính của kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2015 như đã trình bày từ trang 06 đến trang 38.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra nhận xét về Báo cáo tài chính trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo này được lập thành 05 bản, các bản có giá trị ngang nhau, Công ty cổ phần xây dựng 47 giữ 04 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Kiểm toán viên


Lê Văn Dò
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Số: 0231-2013-016-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI



Tổng Giám đốc

Nguyễn Ngọc Tĩnh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Số: 0132-2013-016-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 8 Biên Cương - Quy Nhơn - Bình Định

Điện thoại: 056 3522 166 Fax: 056 3522 316

B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

TT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5	6
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.415.323.666.777	1.415.952.197.733
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	17.528.465.286	110.634.349.465
1	Tiền	111		17.528.465.286	72.634.349.465
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	38.000.000.000
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		378.333.969.141	329.159.300.522
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02a	274.760.644.257	264.472.712.178
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	79.895.945.649	44.680.233.267
6	Các khoản phải thu khác	136	V.04	29.267.379.235	25.596.355.077
7	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137	V.05	-5.590.000.000	-5.590.000.000
IV	Hàng tồn kho	140	V.06	993.816.294.562	956.137.137.461
1	Hàng tồn kho	141		993.816.294.562	956.137.137.461
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		25.644.937.788	20.021.410.285
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		113.313.141	-
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	12.599.478.588
3	Thuế và các khoản khác phải thu của Nhà nước	153		38.166.827	884.893.980
4	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154			
5	Tài sản ngắn hạn khác	155	V.10a	25.493.457.820	6.537.037.717
B	TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		650.247.846.529	653.333.995.539
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		232.001.040	232.001.040
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.02b	232.001.040	232.001.040
II	Tài sản cố định	220		425.954.783.198	461.883.846.471
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	408.925.797.181	444.824.860.454
	- Nguyên giá	222		892.892.219.185	892.859.946.458
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-483.966.422.004	-448.035.086.004
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.09	17.028.986.017	17.058.986.017
	- Nguyên giá	228		17.700.923.290	17.700.923.290
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-671.937.273	-641.937.273
III	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		116.600.807.578	83.761.288.698
1	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.07	116.600.807.578	83.761.288.698
V	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	105.860.000.000	105.860.000.000
1	Đầu tư vào công ty con	251		65.860.000.000	65.860.000.000
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		40.000.000.000	40.000.000.000
VI	Tài sản dài hạn khác	260		1.600.254.713	1.596.859.330
4	Tài sản dài hạn khác	268	V.10b	1.600.254.713	1.596.859.330
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.065.571.513.306	2.069.286.193.272

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

TT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5	6
A	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+320)	300		1.834.238.164.685	1.880.574.363.621
I	Nợ ngắn hạn	310		1.238.930.464.395	1.288.305.381.685
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	316.199.458.939	292.041.296.650
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	66.774.713.106	253.248.188.598
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	4.984.576.279	6.101.225
4	Phải trả công nhân viên	314	V.16	57.545.525.380	44.651.743.967
9	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	40.552.527.372	38.262.222.665
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	752.037.033.973	658.452.049.234
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		836.629.346	1.643.779.346
II	Nợ dài hạn	330		595.307.700.290	592.268.981.936
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	595.307.700.290	592.268.981.936
				-	-
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420)	400		231.333.348.621	188.711.829.651
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.19	231.333.348.621	188.711.829.651
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	96.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông	411a		120.000.000.000	96.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		30.190.801.117	23.467.650.000
3	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4	Vốn khác của chủ sở hữu	414		10.449.146.977	10.449.146.977
8	Quỹ đầu tư phát triển	418		37.195.032.674	28.357.321.332
9	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	8.837.711.342
11	Lợi nhuận chưa phân phối	421		33.498.367.853	21.600.000.000
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		21.600.000.000	19.126.852.772
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.898.367.853	2.473.147.228
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)	440		2.065.571.513.306	2.069.286.193.272

Người lập



Hồ Đình Phong

Kế toán trưởng



Phạm Văn Nho

Quy Nhơn, ngày 08 tháng 08 năm 2015



Nguyễn Lương Am

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu năm năm 2015

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	V.20	277.129.288.214	259.588.837.165	653.130.300.793	486.012.330.003
2	Các khoản giảm trừ	3	V.21	19.798.113	26.352.023	37.171.679	48.117.758
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.22	277.109.490.101	259.562.485.142	653.093.129.114	485.964.212.245
4	Giá vốn hàng bán	11	V.23	233.895.656.348	217.555.127.738	570.708.708.988	401.865.551.817
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		43.213.833.753	42.007.357.404	82.384.420.126	84.098.660.428
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.24	3.995.920.088	836.038.938	5.144.928.086	3.162.683.171
7	Chi phí tài chính	22	V.25	27.426.785.623	24.617.429.576	52.787.332.553	52.737.842.501
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		24.775.453.708	24.953.676.296	48.535.241.060	49.449.271.716
8	Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.26	13.114.666.841	9.840.076.825	21.113.030.586	18.912.805.142
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.668.301.377	8.385.889.941	13.628.985.073	15.610.695.956
11	Thu nhập khác	31	V.27	9.796.340	17.690.068	431.877.268	17.690.068
12	Chi phí khác	32	V.28		59.690.068	16.168.076	59.690.068
13	Lợi nhuận khác	40		9.796.340	-42.000.000	415.709.192	-42.000.000
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.678.097.717	8.343.889.941	14.044.694.265	15.568.695.956
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.29	496.868.398	1.795.896.388	2.117.519.638	3.065.913.711
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.181.229.319	6.547.993.553	11.927.174.627	12.502.782.245
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		515	818	1.031	1.563

Quy Nhơn, ngày 08 tháng 08 năm 2015

Kế toán trưởng

Người lập

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

TP. QUY NHƠN - BÌNH ĐỊNH

Số K.K. 1100.587.000.000

Nguyễn Lương Am

HỒ ĐÌNH PHONG

PHẠM VĂN NHỎ

HỒ ĐÌNH PHONG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHẠM VĂN NHỎ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

06 tháng đầu năm năm 2015

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	492.837.046.876	625.493.248.757
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(439.646.565.049)	(490.684.840.057)
3	Tiền chi trả cho người lao động	3	(112.060.386.819)	(119.803.213.318)
4	Tiền chi trả lãi vay	4	(52.792.868.341)	(49.449.271.716)
5	Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	-	(4.683.141.308)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	100.953.065.337	1.002.352.840
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(187.036.477.240)	(18.481.790.578)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(197.746.185.236)	(56.606.655.380)
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(27.853.621.644)	(58.073.475.341)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(1.640.000.000)
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.141.532.703	3.156.246.214
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(22.712.088.941)	(56.557.229.127)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	30.723.151.117	-
2	Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của doanh nghiệp đó phát hành	32	-	-
3	Tiền thu từ đi vay	33	559.989.344.270	430.392.212.862
4	Tiền trả nợ gốc vay	34	(463.360.105.389)	(416.935.531.444)
5	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	127.352.389.998	13.456.681.418
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(93.105.884.179)	(99.707.203.089)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	110.634.349.465	118.546.896.768
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	874.315
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	17.528.465.286	18.840.567.994

Người lập



Hồ Đình Phong

Kế toán trưởng



Phạm Văn Nho

Quy Nhơn, ngày 08 tháng 08 năm 2015



Nguyễn Lương Am

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu

Công ty Cổ phần Xây dựng 47, gọi tắt là "Công ty", tiền thân là Công ty Xây dựng 47 được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số: 4411/2001/QĐ/BNN-TCCB ngày 08/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc chuyển Công ty Xây dựng 47 thành Công ty Cổ phần Xây dựng 47. Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000064 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 27 tháng 06 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 15 vào ngày 21/05/2015 với số mới là 4100258747 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Theo đó:

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là: 120.000.000.000 đ (*Một trăm hai mươi tỷ đồng chẵn*).

Công ty có trụ sở tại: Số 8, Biên Cương, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

2. Lĩnh vực hoạt động: Xây dựng, khách sạn du lịch

3. Ngành nghề kinh doanh

Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, công nghiệp, dân dụng; Khai thác, vận chuyển vật liệu xây dựng; Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông kết cấu; Đại tu xe, máy thi công; Sản xuất, phục hồi phụ kiện cơ khí. Sản xuất các sản phẩm cơ khí công trình; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, rượu, thuốc lá, dịch vụ massage. Đại lý rượu, bia, nước giải khát; Đại lý dịch vụ internet; Kinh doanh lẻ hàng nội địa và quốc tế; các dịch vụ du lịch khác; Đại lý thu đổi ngoại tệ; Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ; Tổ chức hội nghị hội thảo; Dịch vụ quảng cáo. Đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa; Tư vấn du học. Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng; Cho thuê ô tô; Kinh doanh dịch vụ thể thao, giải trí, trò chơi thể thao trên biển; Hoạt động dạy nghề; Kinh doanh và cho thuê bất động sản; Thi công khoan phụt vữa xử lý nền và thân công trình; Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách Công ty con tại ngày lập báo cáo:

- Công ty Cổ phần Du lịch Hầm Hô, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết 76,35%
- Công ty CP thủy điện Văn Phong, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết 57,84%

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty Cổ phần Xây dựng 47 tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã ban hành phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Các Chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là các Chính sách kế toán chủ yếu mà Công ty đã áp dụng để ghi sổ và lập Báo cáo tài chính:

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền:

- *Nguyên tắc xác định các khoản tiền:* Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

- *Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:* Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty con :

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty con được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tại ngày lập báo cáo, Công ty có 2 công ty con:

- Công ty Cổ phần Du lịch Hàm Hô

Công ty Cổ phần Du lịch Hàm Hô là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100511679 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 08 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 07 tháng 08 năm 2014. Theo đó;

Vốn điều lệ : 10.000.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại: Thôn Phú Lâm, Xã Tây Phú, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Hoạt động kinh doanh chủ yếu là đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác các khu du lịch.

Công ty nắm giữ 76,35% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 30/06/2015.

- Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Phong

Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Phong là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4101309994 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 03 tháng 02 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 28 tháng 02 năm 2014. Theo đó;

Vốn điều lệ : 52.000.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 08, Biên Cương, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

Công ty nắm giữ 57,84% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 30/06/2015.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

3.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm. Các chi phí sản xuất chung được phân bổ trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh để sản xuất hàng tồn kho cho từng bộ phận, từng công trình.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo phương pháp chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp.

3.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

3.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cho hầu hết hàng tồn kho, duy nhất áp dụng kiểm kê định kỳ đối với nguyên liệu, công cụ tại bộ phận dịch vụ khách sạn.

3.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng và dịch vụ nhà hàng, khách sạn. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu đến đâu, nhập nguyên vật liệu hàng hóa đến đó. Hàng tồn kho cuối kỳ của công ty chủ yếu là nguyên vật liệu chuẩn bị tập kết vào các công trình và giá trị công trình dở dang nên công ty không trích lập dự phòng hàng tồn kho.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

- Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phân-giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5. Nguyên tắc xác định khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (không phát sinh)

6. Ghi nhận TSCĐ và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, trong quá trình sử dụng tài sản cố định được ghi nhận theo ba tiêu thức nguyên giá, hao mòn và giá trị còn lại. Nguyên giá của TSCĐ được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Khấu hao TSCĐ hữu hình được thực hiện theo phương pháp đường thẳng, căn cứ theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính và nguyên giá của tài sản. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Mức khấu hao cụ thể như sau:

Loại TSCĐ	Thời gian sử dụng
- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50 năm
- Máy móc thiết bị	08 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Phần mềm	03 - 08 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư, hoặc ngày mua cổ phiếu, trái phiếu.

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

8. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay

- Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc việc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất sản phẩm dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh.

- Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời, các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay khi phát sinh vốn hóa.

- Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ và các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi công ty mở tài khoản vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

12. Các nghĩa vụ về thuế

Công ty áp dụng Chính sách thuế theo quy định của các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của Chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm các năm trước và khoản khác được hình thành từ lợi nhuận sau thuế và được sử dụng vào việc khen thưởng hoặc các mục đích khác phục vụ công tác điều hành của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị.

14. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các quỹ của Công ty được trích lập theo quyết định tại Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu trong kỳ của Công ty bao gồm doanh thu xây lắp các công trình, doanh thu bán vật tư, doanh thu từ lãi tiền gửi, thu cổ tức.

- *Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu từng lần hoặc theo phiếu giá thanh toán, quyết toán của

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

từng hạng mục công việc hoàn thành hoặc toàn bộ công trình xây lắp, hoá đơn tài chính, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán số 15 - Hợp đồng xây dựng.

- *Doanh thu cung cấp dịch vụ:*

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ;
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu từ dịch vụ vận tải được xác định theo hợp đồng kinh tế, biên bản xác nhận dịch vụ hoàn thành, phát hành hoá đơn tài chính và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

- *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, chênh lệch tỷ giá thực hiện và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên cơ sở chênh lệch giữa giá bán và giá mua. Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

16. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hoạt động xây lắp được xác định đối với từng hợp đồng, công trình xây dựng riêng biệt và tương ứng với doanh thu trong kỳ, chi phí của từng hợp đồng, công trình đã được ghi nhận. Cụ thể :

- Đối với các công trình cuối kỳ đã hoàn thành, bàn giao, doanh thu lũy kế đã hạch toán hết theo tổng giá trị nghiệm thu thanh toán thì giá vốn kết chuyển trong kỳ bằng toàn bộ chi phí lũy kế đã được ghi nhận (không còn chi phí dở dang).
- Đối với các công trình cuối kỳ chưa hoàn thành hoặc hoàn thành nhưng chưa có quyết toán, thanh lý hợp đồng thì giá vốn trong kỳ được xác định trên cơ sở chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ + chi phí sản xuất kinh doanh dở dang phát sinh trong kỳ - chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

kỳ được xác định căn cứ vào biên bản xác nhận dở dang của các đội với phòng kỹ thuật Công ty.

- Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất kho.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí hợp đồng xây dựng, Trích lập dự phòng bảo hành công trình xây lắp: Chi phí của hợp đồng xây dựng gồm: Chi phí trực tiếp liên quan đến từng hợp đồng, chi phí chung được phân bổ cho các hợp đồng có liên quan và các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng xây lắp.

- Phương pháp lập chi phí bảo hành: Doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất trích bảo hành công trình xây lắp đã tiêu thụ trong năm và tiến hành lập dự phòng bảo hành công trình xây lắp có cam kết bảo hành.

Tổng mức trích lập dự phòng bảo hành của các công trình xây lắp theo quy định đã cam kết với khách hàng chiếm 2% trên tổng giá trị công trình.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí tài chính: Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;

- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

20. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 8 Biên Cương - Quy Nhơn - Bình Định

B 09 - DN

Điện thoại: 056 3522 166 Fax: 056 3522 316

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: đồng

1. Tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	15.040.712.421	7.064.437.194
Tiền Việt Nam	15.040.712.421	7.064.437.194
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.487.752.865	65.569.912.271
<i>Tiền Việt Nam</i>	<i>2.346.376.269</i>	<i>65.428.608.003</i>
Ngân hàng BIDV Việt Nam - CN Bình Định	635.212.758	64.087.119.925
Ngân hàng Vietcombank Quy Nhơn	1.709.213.511	1.339.538.078
Ngân hàng TMCP Công thương	1.950.000	1.950.000
<i>Ngoại tệ (USD)</i>	<i>141.376.596</i>	<i>141.304.268</i>
Ngân hàng BIDV - CN Bình Định	141.376.596	141.304.268
Cộng	17.528.465.286	72.634.349.465
Các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn Ngân hàng BIDV Bình Định	-	38.000.000.000
Cộng	-	38.000.000.000
2. Phải thu của khách hàng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a Phải thu khách hàng ngắn hạn	274.760.644.257	264.472.712.178
Văn phòng công ty	268.263.832.346	258.876.463.842
<i>Công trình Đồng Nai 4</i>	<i>33.333.573.077</i>	<i>32.973.151.671</i>
<i>Công trình A Lưới</i>	<i>42.803.257.743</i>	<i>31.688.819.586</i>
<i>Công trình Sêrêpôk 4A</i>	<i>24.413.932.809</i>	<i>33.413.932.809</i>
<i>Công trình Sông Bung 5</i>	<i>33.904.955.578</i>	<i>33.904.955.578</i>
<i>Công trình Sông Bung 4A</i>	<i>30.067.331.149</i>	<i>21.390.882.517</i>
<i>Công trình Tiên Thuận</i>	<i>25.994.517.000</i>	<i>29.994.517.000</i>
<i>Đối tượng khác</i>	<i>77.746.264.990</i>	<i>75.510.204.681</i>
Khách sạn Hải Âu	1.760.253.911	3.212.554.336
Công trường Bình Đê	4.670.188.000	2.317.324.000
Trung tâm dạy nghề	66.370.000	66.370.000
b Phải thu khách hàng dài hạn	232.001.040	232.001.040
Cộng	274.992.645.297	264.704.713.218
3. Trả trước cho người bán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Văn phòng công ty	79.886.045.649	44.670.333.267
<i>VPDH Kon Tum Hydrochina Huadong</i>	<i>24.442.208.175</i>	-
<i>Cty TNHH MXD Vi Trác</i>	<i>16.619.664.058</i>	<i>1.732.530.698</i>
<i>Đối tượng khác</i>	<i>38.824.173.416</i>	<i>42.937.802.569</i>
b. Trung tâm dạy nghề	9.900.000	9.900.000
Cộng	79.895.945.649	44.680.233.267

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 8 Biên Cương - Quy Nhơn - Bình Định

B 09 - DN

Điện thoại: 056 3522 166 Fax: 056 3522 316

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**4. Các khoản phải thu khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Văn phòng công ty	26.240.250.283	-	24.576.345.697	-
Công trường Bình Đê	-	-	48.440.000	-
Công trường Tân Mỹ	-	-	551.607.907	-
Công trường Tà Rục	6.000.000	-	140.776.000	-
Công trường Sông Chu	552.490.123	-	279.185.473	-
Công trường nước trong	96.652.040	-	-	-
Công trường A Roàng	179.051.380	-	-	-
Du lịch sinh thái Định Bình	2.299.395	-	-	-
Công trình Đăk Pring	33.724.850	-	-	-
Xây dựng xưởng Ph. Thành	2.051.602.000	-	-	-
Khách sạn Hải Âu	-	-	-	-
(Dư nợ TK 3388)	105.309.164	-	-	-
Cộng	29.267.379.235	-	25.596.355.077	-

5. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi được
- Công ty TNHH CAVICO Việt Nam	5.590.000.000	-	5.590.000.000	-
Cộng	5.590.000.000	-	5.590.000.000	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	60.651.565.191	-	58.890.672.532	-
Nhiên liệu	1.391.448.977	-	2.160.113.630	-
Phụ tùng	18.547.928.451	-	13.800.256.023	-
Công cụ, dụng cụ	170.655.535	-	202.683.421	-
Chi phí SX, KD dở dang	912.596.939.840	-	880.470.000.000	-
Hàng hóa	457.756.568	-	613.411.855	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	993.816.294.562	-	956.137.137.461	-

Giá trị hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho trong kỳ: không

7 Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản dở dang		
Trụ sở công ty (Số 8 Biên Cương)	72.797.935.486	47.780.580.329
Kho xưởng Phước An	29.710.019.616	25.430.572.669

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 8 Biên Cương - Quy Nhơn - Bình Định

B 09 - DN

Điện thoại: 056 3522 166 Fax: 056 3522 316

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

<i>Nhà máy gạch Phước Thành</i>	706.019.315	
<i>Nhà hàng Định Bình</i>	5.425.595.356	5.425.595.356
<i>Dự án 105 Tây Sơn</i>	6.763.564.085	4.715.653.083
<i>Dự án khu sinh thái hồ định bình</i>	1.197.673.720	408.887.261
Cộng	116.600.807.578	83.761.288.698

8 Tài sản cố định hữu hình <Chi tiết tại phụ lục số 01>**9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
<i>Số dư tại ngày 01/01/2015</i>	16.953.986.017	746.937.273	17.700.923.290
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
<i>Số dư tại ngày 30/06/2015</i>	16.953.986.017	746.937.273	17.700.923.290
Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư tại ngày 01/01/2015</i>	-	641.937.273	641.937.273
Khấu hao trong kỳ	-	30.000.000	30.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	-
<i>Số dư tại ngày 30/06/2015</i>	-	671.937.273	671.937.273
Giá trị còn lại			
<i>Số dư tại ngày 01/01/2015</i>	16.953.986.017	105.000.000	17.058.986.017
<i>Số dư tại ngày 01/01/2015</i>	16.953.986.017	75.000.000	17.028.986.017

Quyền sử dụng đất diện tích 488,5 m2 tại địa chỉ 4/7 đường số 3, KP5, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh không xác định thời hạn.

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
10 Tài sản ngắn hạn khác		
a Tài sản ngắn hạn	25.493.457.820	6.537.037.717
Tạm ứng	25.493.457.820	6.537.037.717
b Tài sản dài hạn khác	1.600.254.713	1.596.859.330
Ký quỹ xuất khẩu lao động	1.163.896.669	1.160.501.286
Ký quỹ môi trường	436.358.044	436.358.044

11 Đầu tư tài chính dài hạn

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
a Đầu tư vào công ty con		
Công ty CP Du lịch Hàm Hồ <76,35%>	7.635.000.000	7.635.000.000
Công ty CP Thủy điện Văn Phong <64,69%> (*)	58.225.000.000	58.225.000.000
Cộng	65.860.000.000	65.860.000.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 8 Biên Cương - Quy Nhơn - Bình Định

B 09 - DN

Điện thoại: 056 3522 166 Fax: 056 3522 316

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**b Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP Thủy điện Buôn Đôn <8% vốn điều lệ> (1)	26.800.000.000	26.800.000.000
Công ty CP Thủy điện Định Bình <16,04% vốn điều lệ> (2)	13.200.000.000	13.200.000.000
Cộng	40.000.000.000	40.000.000.000

12 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn <Chi tiết tại phụ lục số 02>**13 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Văn phòng Cty	313.883.516.579	313.883.516.579	281.158.543.446	281.158.543.446
Cty CP Sông Đà Cao Cường	32.993.859.200	32.993.859.200	16.637.772.800	16.637.772.800
Cty TNHH TMDV Tân Trường Phúc	16.219.947.919	16.219.947.919	33.451.376.161	33.451.376.161
Các đối tượng khác	264.669.709.460	264.669.709.460	231.069.394.485	231.069.394.485
Khách sạn Hải Âu	1.893.685.243	1.893.685.243	2.145.160.687	2.145.160.687
Công trường Bình Đê	72.900.000	72.900.000	129.326.000	129.326.000
Xây dựng trụ sở Công ty	-	-	26.960.400	26.960.400
Công trường Sông Chu	-	-	307.329.000	307.329.000
Công trường Thượng Kon Tum	-	-	7.088.520.000	7.088.520.000
Công trường Trung Sơn	349.357.117	349.357.117	1.185.457.117	1.185.457.117
Cộng	316.199.458.939	316.199.458.939	292.041.296.650	292.041.296.650

14 Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Văn phòng công ty		
Công trình Trung Sơn	32.790.451.053	234.138.413.361
Công trình Sông Chu	10.317.665.570	14.127.415.721
Công trình cửa nhận nước	16.800.000.000	-
Công trình khác	6.866.596.483	4.982.359.496
Cộng	66.774.713.106	253.248.188.598

15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp
Thuế GTGT		69.256.782.764	65.547.300.685	3.709.482.079
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-847.727.153	2.117.519.638	-	1.269.792.485
Thuế tiêu thụ đặc biệt	6.101.225	74.343.358	75.142.868	5.301.715
Thuế thu nhập cá nhân		1.202.732.715	1.202.732.715	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 8 Biên Cương - Quy Nhơn - Bình Định

Điện thoại: 056 3522 166 Fax: 056 3522 316

B 09 - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cộng	-841.625.928	72.651.378.475	66.825.176.268	4.984.576.279
-------------	---------------------	-----------------------	-----------------------	----------------------

16 Phải trả cán bộ công nhân viên

Phải trả công nhân viên

Cộng

Số cuối kỳ

Số đầu năm

57.545.525.380

44.651.743.967

57.545.525.380

44.651.743.967

17 Các khoản phải trả ngắn hạn khác

Tài sản thừa chờ giải quyết

Kinh phí công đoàn

Bảo hiểm xã hội

Bảo hiểm y tế

Bảo hiểm thất nghiệp

Phải trả về cổ phần hóa

Phải trả khác

Văn phòng cty

Xây dựng xưởng Phước An

Khách sạn Hải Âu

Trung tâm dạy nghề

Công trường Sông Chu

Văn phòng cty (Dự Có TK 1388)

Công trường Phước Thành

Cộng

Số cuối kỳ

Số đầu năm

28.547.065

-

3.959.885.727

3.563.218.727

3.839.453.126

1.825.753.800

686.928.005

-

295.668.952

129.127.521

130.705.324

130.705.324

31.611.339.173

32.613.417.293

7.355.510.934

3.170.766.526

23.190.250

72.600

-

1.647.937.407

55.014.600

1.134.900

6.253.000

804.202.000

24.170.461.389

26.989.303.860

909.000

40.552.527.372

38.262.222.665

18 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn <Chi tiết tại Phụ lục số 03>

Số cuối kỳ

Số đầu năm

19 Vốn chủ sở hữu*a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu <Chi tiết tại Phụ lục số 04>**b Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn góp của Nhà nước

Vốn góp của các cổ đông khác

Cộng

Số cuối kỳ

Số đầu năm

-

-

120.000.000.000

96.000.000.000

120.000.000.000

96.000.000.000

c Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn góp đầu năm

Vốn góp tăng trong kỳ

Vốn góp cuối kỳ

Từ 01/01/2015 đến
30/06/2015Từ 01/01/2014 đến
30/06/2014

96.000.000.000

80.000.000.000

24.000.000.000

-

120.000.000.000

80.000.000.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 8 Biên Cương - Quy Nhơn - Bình Định

B 09 - DN

Điện thoại: 056 3522 166 Fax: 056 3522 316

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

- Cổ tức, lợi nhuận đã chia (*) - 16.000.000.000

(*). Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 19/04/2015, Công ty sẽ thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt.

d Cổ phiếu

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	12.000.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng:	12.000.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.000.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại:	-	-
- Cổ phiếu phổ thông:	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi:	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	12.000.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.000.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu		

e Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	37.195.032.674	37.195.032.674
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
Cộng	37.195.032.674	37.195.032.674

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
20 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng	14.404.769.339	3.245.421.230
Doanh thu thi công xây lắp chính	579.230.593.788	423.787.849.345
Dịch vụ khách sạn du lịch	42.934.504.413	33.661.871.557
Doanh thu nhượng bán vật tư	14.380.935.471	24.476.693.325
Doanh thu khác	2.179.497.782	840.494.546
Cộng	653.130.300.793	486.012.330.003
21 Các khoản giảm trừ doanh thu		
Thuế tiêu thụ đặc biệt của khách sạn Hải Âu	37.171.679	48.117.758
Cộng	37.171.679	48.117.758

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 8 Biên Cương - Quy Nhơn - Bình Định

Điện thoại: 056 3522 166 Fax: 056 3522 316

B 09 - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****22 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Doanh thu bán hàng

Doanh thu thi công xây lắp chính

Dịch vụ khách sạn du lịch

Doanh thu nhượng bán vật tư

Doanh thu khác

CộngTừ 01/01/2015 đến
30/06/2015Từ 01/01/2014 đến
30/06/2014

14.404.769.339 3.245.421.230

579.230.593.788 423.787.849.345

42.897.332.734 33.613.753.799

14.380.935.471 24.476.693.325

2.179.497.782 840.494.546

653.093.129.114 485.964.212.245**23 Giá vốn bán hàng**

Giá vốn hàng bán

Giá vốn thi công xây lắp

Giá vốn Dịch vụ KS du lịch

Giá vốn nhượng bán vật tư

Giá vốn khác

CộngTừ 01/01/2015 đến
30/06/2015Từ 01/01/2014 đến
30/06/2014

5.796.354.237 2.838.844.374

520.278.474.610 347.808.166.689

34.872.743.795 28.909.885.225

9.761.136.346 22.294.036.892

- 14.618.637

570.708.708.988 401.865.551.817**24 Doanh thu hoạt động tài chính**

Cổ tức lợi nhuận được chia

Lãi tiền gửi ngân hàng

Chênh lệch tỷ giá

CộngTừ 01/01/2015 đến
30/06/2015Từ 01/01/2014 đến
30/06/2014

4.419.605.000 1.632.724.540

725.323.086 1.529.084.316

- 874.315

5.144.928.086 3.162.683.171**25 Chi phí tài chính**

Chi phí lãi vay

Chi phí tài chính khác

CộngTừ 01/01/2015 đến
30/06/2015Từ 01/01/2014 đến
30/06/2014

48.535.241.060 49.449.271.716

4.252.091.493 3.288.570.785

52.787.332.553 52.737.842.501**26 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí nhân viên quản lý

Chi phí vật liệu quản lý

Chi phí đồ dùng văn phòng

Chi phí khấu hao TSCĐ

Thuế, phí, lệ phí

Chi phí bằng tiền khác

CộngTừ 01/01/2015 đến
30/06/2015Từ 01/01/2014 đến
30/06/2014

5.828.984.000 4.566.532.000

2.392.870.141 2.069.662.068

40.595.452 44.226.361

97.400.000 97.400.000

111.607.879 78.394.226

12.641.573.114 12.056.590.487

21.113.030.586 18.912.805.142

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 8 Biên Cương - Quy Nhơn - Bình Định

Điện thoại: 056 3522 166 Fax: 056 3522 316

B 09 - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
27 Thu nhập khác		
Thu tiền bảo hiểm xe	-	17.690.068
Thu nhập khác	431.877.268	-
Cộng	431.877.268	17.690.068
28 Chi phí khác		
Chi phí khác	16.168.076	59.690.068
Cộng	16.168.076	59.690.068
29 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	14.044.694.265	
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế (cổ tức nhận được)	4.419.605.000	
Thuế suất thuế TNDN	22%	
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	2.117.519.638	3.065.913.711
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ này.	-	-
30 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên vật liệu	289.989.372.637	154.223.154.029
Chi phí nhân công trực tiếp	125.849.231.346	134.331.302.025
Chi phí máy thi công	63.825.494.689	142.044.924.933
Chi phí khấu hao TSCĐ	35.842.716.000	33.350.817.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	116.519.737.190	151.115.425.124
Chi phí khác	29.291.991.212	73.134.398.214
Cộng	661.318.543.074	688.200.021.325

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Đơn vị tính: đồng

Từ 01/01/2015 đến
30/06/2015

31 Các giao dịch không bằng tiền đã được điều chỉnh trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	
Dùng tiền vay ngắn hạn, dài hạn để thanh toán:	556.098.344.270
- Trả cho nhà cung cấp	387.470.016.593
- Thanh toán tiền lương	4.284.229.708
- Trả cho bảo hiểm xã hội	10.646.811.264
- Thanh toán cho các công trường	134.417.559.055
- Thanh toán nghĩa vụ thuế	19.279.727.650

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

32 Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	559.989.344.270
- Thu tiền đi vay theo kế ước thông thường	559.989.344.270
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-
33 Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	463.299.641.177
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	463.299.641.177
- Tiền trả nợ gốc vay theo hình thức khác	-

III. Những thông tin khác**34 Công cụ tài chính:****a Quản lý rủi ro:**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối).

b Các loại công cụ tài chính:**Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Giá trị ghi sổ	
	Tại ngày 30/06/2015	Tại ngày 31/12/2014
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.528.465.286	110.634.349.465
Phải thu khách hàng và phải thu khác	383.923.969.141	284.479.067.255
Tài sản tài chính khác	40.000.000.000	-
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn	1.097.344.734.263	1.000.721.031.170
Phải trả khách hàng và phải trả khác	382.974.172.045	330.303.519.315
Công nợ tài chính khác	250.000.000.000	250.000.000.000

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính:

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro tỷ giá: rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro tỷ giá do việc mua bán hàng hóa dịch vụ được thực hiện bằng tiền Việt Nam đồng.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro về lãi suất là rủi ro về giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro về lãi suất là của công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay. Công ty không có bất kỳ rủi ro lãi suất trọng yếu nào vì Công ty chỉ quan hệ giao dịch truyền thống lâu năm với Ngân hàng BIDV chi nhánh Bình Định và được ngân hàng ưu đãi với mức lãi suất thấp nhất, có lợi nhất cho công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi các khoản phải thu chủ yếu từ khách hàng là Ban quản lý dự án thuộc Ngân sách Nhà nước.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền và các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn. Dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phát sinh và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận. Công nợ tài chính được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu và ngày đáo hạn hợp đồng theo ngày sớm nhất mà công ty phải trả:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	752.037.033.973	-
Phải trả khách hàng và phải trả khác	382.974.172.045	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	345.307.700.290
Công nợ khác	-	250.000.000.000

Tài sản đảm bảo:

Trong kỳ Công ty có dùng một số tài sản để thế chấp vay vốn ngân hàng, cụ thể:

- Các khoản vay ngân hàng BIDV - chi nhánh Bình Định ngắn hạn, dài hạn để sử dụng vào việc mua máy móc thiết bị phục vụ thi công và bổ sung vốn lưu động để thực hiện sản xuất kinh doanh. Các khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay, TSCĐ hoặc các khoản phải thu khách hàng tương ứng với số dư nợ tại thời điểm vay.

(Chi tiết giá trị các khoản vay xem tại Phụ lục số 03, 04, 05, 06)

35 Thông tin về các bên liên quan:

Các bên liên quan

Công ty cổ phần Du lịch Hầm Hồ
 Công ty cổ phần Thủy điện Văn Phong
 Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn
 Công ty Cổ phần Thủy điện Định Bình
 Ông Nguyễn Lương Am

Mối quan hệ
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

Các giao dịch về vốn của Công ty với các bên liên quan trong kỳ:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
---------------	--------------------	---------

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 8 Biên Cương - Quy Nhơn - Bình Định

Điện thoại: 056 3522 166 Fax: 056 3522 316

B 09 - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cổ tức và lợi nhuận được chia	6 tháng đầu năm 2015	
Công ty cổ phần Du lịch Hầm Hồ	175.605.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Định Bình	2.904.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	1.340.000.000	
Cộng:	4.419.605.000	

Số dư với bên liên quan

Các khoản phải thu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cp thủy điện Văn Phong	1.112.298.000	1.112.298.000

6 tháng đầu năm 2015

Thu nhập, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát	1.461.330.845
---	----------------------

36 Thông tin bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Thi công xây lắp chính
- Dịch vụ khách sạn du lịch
- Nhượng bán vật tư, khai thác đá
- Hoạt động khác bao gồm: Cho thuê tài sản, thí nghiệm, xây lắp phụ, trung tâm dạy nghề, xuất khẩu lao động.

Thông tin về kết quả kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Thi công xây lắp chính	Dịch vụ khách sạn du lịch	Các lĩnh vực khác	Tổng cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	579.230.593.788	59.494.937.666	14.404.769.339	653.130.300.793
Các khoản giảm trừ doanh thu		37.171.679		37.171.679
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	579.230.593.788	59.457.765.987	14.404.769.339	653.093.129.114
Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận				82.384.420.126
Các khoản chi phí không phân bổ theo bộ phận				21.113.030.586
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				61.271.389.540

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 8 Biên Cương - Quy Nhơn - Bình Định

Điện thoại: 056 3522 166 Fax: 056 3522 316

B 09 - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Doanh thu hoạt động tài chính	5.144.928.086
Chi phí tài chính	52.787.332.553
Thu nhập khác	431.877.268
Chi phí khác	16.168.076
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.117.519.638
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.927.174.627
Khu vực địa lý	
Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam	

37 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu cùng kỳ năm 2013 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán Hà Nội - CPAHANOI, đã được trình bày và phân loại lại theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

38 Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ hoạt động tiếp theo.

39 Những thông tin khác**a Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

**Từ 01/01/2015 đến
30/06/2015**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ.

Công ty đã sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu

+ Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	11.927.174.627
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-
+ Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.927.174.627
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	11.573.333
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.031

b Một số chỉ tiêu tài chính

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 8 Biên Cương - Quy Nhơn - Bình Định

Điện thoại: 056 3522 166 Fax: 056 3522 316

B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Chỉ tiêu	ĐVT	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	68,52	72,27
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	31,48	27,73
1.2. Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	88,80	89,22
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	11,20	10,78
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát	lần	1,13	1,12
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,14	1,06
2.3. Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,01	0,03
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	2,15	3,27
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	1,83	2,52
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	0,68	1,17
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	0,58	0,90
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn CSH	%	9,94	15,30

40 Thông tin khác

Quyết toán thuế của công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định của thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kiểm toán cho các giao dịch tại đơn vị có thể được giải thích theo cách khác nhau. Vì vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể được thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Quy Nhơn, ngày 08 tháng 08 năm 2015

Công ty Cổ phần Xây dựng 47

Tổng Giám đốc



Người lập

Kế toán trưởng

Hồ Đình Phong

Phạm Văn Nho

Nguyễn Lương Am

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 056 3522166 Fax: 056 3522316

B 09 - DN

Phụ lục số 01: Tình hình tăng giảm TSCĐ hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dung cụ QL	Cộng
I Nguyên giá TSCĐ					
1. Số dư tại ngày 01/01/2015	71.031.276.257	594.080.822.157	214.774.132.646	12.973.715.398	892.859.946.458
2. Số tăng trong kỳ	-	32.272.727	-	-	32.272.727
- Mua sắm mới	-	32.272.727	-	-	32.272.727
- Xây dựng mới	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Thanh lý	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư tại ngày 30/06/2015	71.031.276.257	594.113.094.884	214.774.132.646	12.973.715.398	892.892.219.185
II Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư tại ngày 01/01/2015	14.473.417.913	305.073.102.223	119.952.166.331	8.536.399.537	448.035.086.004
2. Khấu hao trong kỳ	841.391.300	25.238.974.962	9.337.646.592	513.323.146	35.931.336.000
- Trích trong kỳ	841.391.300	25.238.974.962	9.337.646.592	513.323.146	35.931.336.000
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Thanh lý	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư tại ngày 30/06/2015	15.314.809.213	330.312.077.185	129.289.812.923	9.049.722.683	483.966.422.004
III Giá trị còn lại					
1. Tại ngày 01/01/2015	56.557.858.344	289.007.719.934	94.821.966.315	4.437.315.861	444.824.860.454
2. Tại ngày 30/06/2015	55.716.467.044	263.801.017.699	85.484.319.723	3.923.992.715	408.925.797.181

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

127.975.556.753 đồng

120.866.063.065 đồng

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Điện thoại: 056 3522166 Fax: 056 3522316

B 09 - DN

Phụ lục số 02: Tình hình tăng giảm Vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác thuộc CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Công
Năm trước							
I. Số dư đầu năm	80.000.000.000	23.467.650.000	10.449.146.977	22.414.583.606	7.307.559.247	16.000.000.000	159.638.939.830
- Tăng vốn trong năm trước	6.000.000.000	-	-	-	-	-	16.000.000.000
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	30.742.419.157	30.742.419.157
- Trích lập các quỹ	-	-	-	5.942.737.726	1.530.152.095	-	7.472.889.821
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	16.000.000.000	16.000.000.000
- Giảm khác	-	-	-	-	-	9.142.419.157	9.142.419.157
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	5.942.737.726	5.942.737.726
+ Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	1.530.152.095	1.530.152.095
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	1.530.152.095	1.530.152.095
+ Giảm khác	-	-	-	-	-	139.377.241	139.377.241
2. Số dư cuối năm	96.000.000.000	23.467.650.000	10.449.146.977	28.357.321.332	8.837.711.342	21.600.000.000	188.711.829.651
Kỳ này							
I. Số dư ngày 01/01/2015	96.000.000.000	23.467.650.000	10.449.146.977	37.195.032.674	-	21.600.000.000	188.711.829.651
- Tăng vốn trong kỳ này	24.000.000.000	6.723.151.117	-	-	-	-	30.723.151.117
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	11.927.174.627	11.927.174.627
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác:	-	-	-	-	-	28.806.774	28.806.774
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-
+ Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	-	-
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-
+ Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
2. Số dư ngày 30/6/2015	120.000.000.000	30.190.801.117	10.449.146.977	37.195.032.674	-	33.498.367.853	231.333.348.621

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 056 3522166 Fax: 056 3522316

B 09 - DN**Phụ lục số 03: VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Tên tổ chức tín dụng	Nội dung		Cuối kỳ		Trong năm		Đầu năm		Đơn vị tính: đồng
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ			
VAY NGẮN HẠN									
Ngân hàng đầu tư phát triển Việt Nam, chi nhánh Bình Định (*)	751.476.853.800	751.476.853.800	529.259.287.816	435.608.303.077	657.825.869.061	657.825.869.061			
VAY ĐỐI TƯỢNG KHÁC									
Cộng	752.037.033.973	752.037.033.973	529.259.287.816	435.674.303.077	658.452.049.234	658.452.049.234			

Ghi chú

(*) Khoản vay ngắn hạn VND của ngân hàng ĐT & PT Việt Nam- CN Bình Định căn cứ:

-Hợp đồng tín dụng số 01/2014/300495/HDTĐ ngày 30/6/2014, số tiền vay 1.936 tỷ đồng trong đó: vay ngắn hạn và mở L/C: 536 tỷ đồng, bảo lãnh: 1.400 tỷ đồng, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, L/C (nếu có), bảo lãnh, thời hạn cấp hạn mức 1/7/2014 đến 30/6/2015, tài sản đảm bảo: theo các biện pháp đảm bảo được ký kết giữa hai bên và các văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo.

(*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn xem thêm tại Phụ lục số 05)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 056 3522166 Fax: 056 3522316

B 09 - DN**Phụ lục số 04: VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Tên tổ chức tín dụng	Cuối kỳ		Trong năm		Đầu năm		Đơn vị tính: đồng
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
VAY DÀI HẠN	345.307.700.290	345.307.700.290	30.730.056.454	27.691.338.100	342.268.981.936	342.268.981.936	
Ngân hàng BIDV - CN Bình Định (*)	345.307.700.290	345.307.700.290	30.730.056.454	27.691.338.100	342.268.981.936	342.268.981.936	
NỢ DÀI HẠN	250.000.000.000	250.000.000.000	-	-	-	250.000.000.000	
Công trình thủy điện Trung Sơn	250.000.000.000	250.000.000.000	-	-	-	250.000.000.000	
Cộng	595.307.700.290	595.307.700.290	30.730.056.454	27.691.338.100	342.268.981.936	592.268.981.936	

Ghi chú

(*) Khoản vay dài hạn của Ngân hàng BIDV(Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam- CN Bình Định), số tiền **345.307.700.290 đồng**, căn cứ vào các hợp đồng tín dụng ký kết giữa Công ty Cổ phần Xây dựng 47 với Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam, đã được đổi chiếu tại thời điểm 30/06/2015 theo Thư xác nhận số 1238/CV-KHI ngày 06 tháng 07 năm 2015 của Ngân hàng. Chi tiết khoản vay xem tại Phụ lục số 06.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

B 09 - DN

Điện thoại: 056 3522166 Fax: 056 3522316

Phụ lục số 05: Bảng kê chi tiết vay ngắn hạn Ngân hàng BIDV Bình Định

Đơn vị tính: đồng

Stt	Số kế ước	Loại tiền tệ	Số dư tiền vay (đồng)	Lãi suất (%/năm)	Ngày vay	Ngày trả
1.	58082000536122	VND	15.000.000.000	8,50%	21-10-2014	21-09-2015
2.	58082000536858	VND	11.853.156.415	8,50%	23-10-2014	23-09-2015
3.	58082000536618	VND	10.930.083.927	8,50%	22-10-2014	22-09-2015
4.	58082000537930	VND	15.756.665.740	8,50%	29-10-2014	29-09-2015
5.	58082000538678	VND	10.279.500.000	8,50%	03-11-2014	05-10-2015
6.	58082000539963	VND	7.425.535.946	8,50%	10-11-2014	12-10-2015
7.	58082000538915	VND	10.383.786.563	8,50%	04-11-2014	05-10-2015
8.	58082000543140	VND	5.363.371.315	8,50%	28-11-2014	28-10-2015
9.	58082000543380	VND	9.767.755.792	8,50%	28-11-2014	28-10-2015
10.	58082000543733	VND	17.705.065.676	8,50%	02-12-2014	02-11-2015
11.	58082000544693	VND	11.219.588.700	8,50%	08-12-2014	09-11-2015
12.	58082000545128	VND	11.708.399.279	8,50%	09-12-2014	09-11-2015
13.	58082000546316	VND	4.398.859.400	8,50%	17-12-2014	17-11-2015
14.	58082000546990	VND	13.201.618.857	8,50%	22-12-2014	23-11-2015
15.	58082000547416	VND	23.136.757.201	8,50%	24-12-2014	24-11-2015
16.	58082000547586	VND	7.752.567.600	8,50%	25-12-2014	25-11-2015
17.	58082000547878	VND	9.815.406.577	8,50%	26-12-2014	26-11-2015
18.	58082000548525	VND	3.715.847.242	8,50%	29-12-2014	30-11-2015
19.	58082000548534	VND	9.066.017.734	8,50%	29-12-2014	30-11-2015
20.	58082000546635	VND	13.737.582.020	8,50%	19-12-2014	19-11-2015
21.	58082000549324	VND	9.002.418.143	8,50%	05-01-2015	07-12-2015
22.	58082000549333	VND	11.137.398.020	8,50%	05-01-2015	07-12-2015
23.	58082000549573	VND	10.319.634.651	8,50%	06-01-2015	07-12-2015
24.	58082000549582	VND	13.136.377.725	8,50%	06-01-2015	07-12-2015
25.	58082000549847	VND	2.000.000.000	8,50%	08-01-2015	08-12-2015
26.	58082000551745	VND	7.135.934.903	8,50%	20-01-2015	21-12-2015
27.	58082000552234	VND	11.293.099.400	8,50%	22-01-2015	22-12-2015
28.	58082000551037	VND	12.632.000.316	8,50%	16-01-2015	16-12-2015
29.	58082000552702	VND	10.358.475.716	8,50%	27-01-2015	28-12-2015
30.	58082000553370	VND	6.389.240.894	8,50%	29-01-2015	29-12-2015
31.	58082000553936	VND	13.444.069.420	9,00%	03-02-2015	04-01-2016
32.	58082000554522	VND	18.977.649.934	8,50%	06-02-2015	06-01-2016
33.	58082000554805	VND	7.359.725.288	8,50%	09-02-2015	11-01-2016
34.	58082000554814	VND	12.929.339.779	8,50%	09-02-2015	11-01-2016
35.	58082000555774	VND	15.855.711.381	8,50%	12-02-2015	12-01-2016
36.	58082000556351	VND	9.097.853.988	8,50%	13-02-2015	13-01-2016
37.	58082000556360	VND	12.653.850.000	8,50%	13-02-2015	13-01-2016
38.	58082000556379	VND	11.173.515.000	8,50%	13-02-2015	13-01-2016
39.	58082000556555	VND	17.512.609.237	8,50%	14-02-2015	14-01-2016
40.	58082000556564	VND	11.000.000.000	8,50%	14-02-2015	14-01-2016

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

Phụ lục số 05: Bảng kê chi tiết vay ngắn hạn Ngân hàng BIDV Bình Định

Đơn vị tính: đồng

Stt	Số kế ước	Loại tiền tệ	Số dư tiền vay (đồng)	Lãi suất (%/năm)	Ngày vay	Ngày trả
41.	58082000555525	VND	15.018.087.998	8,50%	11-02-2015	11-01-2016
42.	58082000559332	VND	3.846.868.165	8,50%	17-03-2015	17-02-2016
43.	58082000560820	VND	9.939.299.638	8,50%	25-03-2015	25-02-2016
44.	58082000561018	VND	18.021.601.076	8,50%	25-03-2015	25-02-2016
45.	58082000562181	VND	4.012.269.510	8,50%	31-03-2015	29-02-2016
46.	58082000564840	VND	8.916.428.921	8,50%	15-04-2015	15-03-2016
47.	58082000565083	VND	13.890.847.574	8,50%	17-04-2015	17-03-2016
48.	58082000565311	VND	6.140.499.157	8,50%	17-04-2015	17-03-2016
49.	58082000565755	VND	6.454.319.706	8,50%	21-04-2015	21-03-2016
50.	58082000566767	VND	11.481.533.850	8,50%	27-04-2015	28-03-2016
51.	58082000566776	VND	10.000.000.000	8,50%	27-04-2015	28-03-2016
52.	58082000566794	VND	6.692.107.981	8,50%	27-04-2015	28-03-2016
53.	58082000567335	VND	10.135.137.195	8,50%	05-05-2015	05-04-2016
54.	58082000567830	VND	2.269.175.040	8,50%	07-05-2015	07-04-2016
55.	58082000569739	VND	10.000.000.000	8,50%	19-05-2015	19-04-2016
56.	58082000569182	VND	11.340.950.589	8,50%	15-05-2015	15-04-2016
57.	58082000569191	VND	7.787.910.303	8,50%	15-05-2015	15-04-2016
58.	58082000569863	VND	15.531.998.400	8,50%	20-05-2015	20-04-2016
59.	58082000569988	VND	12.260.000.000	8,50%	20-05-2015	20-04-2016
60.	58082000570333	VND	17.713.475.975	8,50%	22-05-2015	22-04-2016
61.	58082000570500	VND	5.070.975.400	8,50%	22-05-2015	22-04-2016
62.	58082000570722	VND	5.000.000.000	8,50%	25-05-2015	25-04-2016
63.	58082000570227	VND	10.942.834.782	8,50%	21-05-2015	21-04-2016
64.	58082000571293	VND	10.114.077.340	8,50%	27-05-2015	27-04-2016
65.	58082000571309	VND	10.704.409.300	8,50%	27-05-2015	27-04-2016
66.	58082000571488	VND	8.234.449.857	8,50%	28-05-2015	28-04-2016
67.	58082000572579	VND	7.954.276.858	8,50%	04-06-2015	04-05-2016
68.	58082000573572	VND	7.573.409.474	8,50%	11-06-2015	11-05-2016
69.	58082000575055	VND	19.553.766.540	8,50%	19-06-2015	19-05-2016
70.	58082000575736	VND	12.531.277.965	8,50%	24-06-2015	24-05-2016
71.	58082000575338	VND	6.718.395.427	8,50%	22-06-2015	23-05-2016
Tổng Cộng			751.476.853.800			

Phụ lục số 06: Bảng kê chi tiết các khoản vay trung và dài hạn Ngân hàng BIDV Bình ĐịnhVAY TRUNG VÀ DÀI HẠN VND

Stt	Số kế ước	Loại tiền tệ	Số dư tiền vay	Lãi suất (%/năm)	Ngày vay	Ngày trả
1	58082000304444	VND	30.326.416.660	11,00%	04-03-2011	04-09-2016
2	58082000407422	VND	3.300.000.000	11,00%	25-09-2012	25-01-2016
3	58082000439647	VND	118.813.162.717	11,00%	05-04-2013	05-04-2018
4	58082000479980	VND	148.000.000.000	11,00%	19-11-2013	19-11-2018
5	58082000524969	VND	44.868.120.913	11,00%	15-08-2014	15-08-2022
Tổng Cộng			345.307.700.290			

Ghi chú:

(1). Khoản vay 30.326.416.660 đồng, vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Bình Định theo Hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐ ngày 11 tháng 02 năm 2011. Theo đó: thời hạn vay là 66 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên, lãi suất áp dụng cho khoản vay này là lãi suất thả nổi được điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo nguyên tắc bằng lãi suất tiết kiệm trả sau 12 tháng cộng chi phí biên 3,5%/ năm nhưng không cao hơn lãi suất cho vay tối đa và không nhỏ hơn lãi suất cho vay tối thiểu do ngân hàng thông báo tại thời điểm điều chỉnh. Tài sản đảm vay cho khoản vay này là tài sản được hình thành từ vốn vay theo hợp đồng đảm bảo tiền vay theo quy định của phía Ngân hàng.

(3). Khoản vay của Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Bình Định, số tiền 118.813.162.717 đồng, căn cứ Hợp đồng tín dụng 01/2013/HĐ ngày 29/03/2013. Theo đó, thời hạn vay là 40 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên, lãi suất trong hạn điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo nguyên tắc bằng lãi suất tiết kiệm trả sau 12 tháng cộng chi phí biên 3,5%/ năm nhưng không cao hơn lãi suất cho vay tối đa và không nhỏ hơn lãi suất cho vay tối thiểu do ngân hàng thông báo tại thời điểm điều chỉnh. Khoản vay dùng để thực hiện dự án đầu tư thiết bị phục vụ thi công Công trình thủy lợi Tân Mỹ.

(4). Khoản vay của ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Bình Định, số tiền 148.000.000.000 đồng, căn cứ Hợp đồng tín dụng số 02/2013/HĐTD- C47 ngày 12/11/2013. Theo đó, thời hạn vay trong vòng 60 tháng, lãi suất cho vay được áp dụng theo lãi suất thả nổi, được điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo nguyên tắc bằng lãi suất tiết kiệm trả sau 12 tháng cộng chi phí biên 4%/ năm nhưng không cao hơn lãi suất cho vay tối đa và không nhỏ hơn lãi suất cho vay tối thiểu do ngân hàng thông báo tại thời điểm điều chỉnh. Khoản vay này để bù đắp nguồn vốn ngắn hạn đã đầu tư vào dài hạn để cơ cấu tài chính cho doanh nghiệp. Tài sản thế chấp cầm cố cho khoản vay này là tài sản được hình thành từ vốn vay theo quy định của Ngân hàng.

(5). Khoản vay của ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Bình Định, số tiền 48.868.120.913 đồng, căn cứ Hợp đồng tín dụng số 02/2014/300495/HĐTD ngày 31/07/2014. Theo đó, thời hạn vay trong vòng 60 tháng, lãi suất cho vay được áp dụng theo lãi suất thả nổi, được điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo nguyên tắc bằng lãi suất tiết kiệm trả sau 12 tháng cộng chi phí biên 4%/ năm nhưng không cao hơn lãi suất cho vay tối đa và không nhỏ hơn lãi suất cho vay tối thiểu do ngân hàng thông báo tại thời điểm điều chỉnh. Tài sản thế chấp cầm cố cho khoản vay này là tài sản được hình thành sau đầu tư từ vốn vay và vốn tự có của Dự án đầu tư Trụ sở Văn Phòng của Công ty.